

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 19-LCT/HĐNN7 ngày 3-1-1986 công bố Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự và Pháp lệnh tổ chức Viện Kiểm sát quân sự.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ

Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự và Pháp lệnh tổ chức Viện Kiểm sát quân sự đã được Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1985.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

PHÁP LỆNH**Tổ chức Tòa án quân sự.**

Căn cứ vào điều 100 và các điều từ 127 đến 137 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức các Tòa án quân sự.

09654268
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684
www.ThuVienPhapLuat.co

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Các Tòa án quân sự là những cơ quan xét xử thuộc hệ thống Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức trong Quân đội nhân dân.

Trong phạm vi chức năng của mình, các Tòa án quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật của quân đội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác.

Bằng hoạt động của mình, các Tòa án quân sự góp phần giáo dục cán bộ, chiến sĩ và công nhân, viên chức quốc phòng chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, điều lệnh của quân đội và những quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, phòng ngừa và chống các tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Điều 2.— Các Tòa án quân sự gồm có:

- Tòa án quân sự cấp cao;
- Các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương;
- Các Tòa án quân sự khu vực.

Điều 3.— Các Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử những vụ hình sự mà bị cáo là:

1. Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quân tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người khác được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự do các đơn vị quân đội trực tiếp quản lý;

2. Thường dân phạm tội có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội;

3. Những người khác được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự.

Điều 4.— Trong trường hợp vụ án vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự vừa có bị cáo hoặc tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thì Tòa án quân sự xét xử toàn bộ vụ án. Nếu có thể tách ra để xét xử riêng thì Tòa án quân sự và Tòa án nhân dân xét xử những bị cáo và tội phạm thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 5.— Đối với những người không còn phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân mà phát hiện tội phạm của họ trong thời gian phục vụ, thì Tòa án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội; những tội phạm khác do Tòa án nhân dân xét xử.

Đối với những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân, nếu phát hiện những tội phạm xảy ra trước khi nhập ngũ thì Tòa án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân đội; những tội phạm khác do Tòa án nhân dân xét xử.

Điều 6.— Trước Tòa án quân sự, quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ luật sư hay là bào chữa viên nhân dân bào chữa cho mình. Trong những trường hợp do pháp luật quy định, Tòa án quân sự chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

Các đương sự khác có quyền nhờ luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Điều 7.— Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử ở Tòa án quân sự theo quy định của pháp luật. Khi xét xử, hội thẩm quân nhân ngang quyền với thẩm phán.

Điều 8.— Tòa án quân sự xét xử tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 9.— Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm quân nhân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Điều 10.— Bị cáo và các đương sự khác có quyền kháng cáo và Viện Kiểm sát quân sự có quyền kháng nghị, theo quy định của pháp luật, đối với những bản án và quyết định sơ thẩm của Tòa án quân sự, trừ trường hợp Tòa án quân sự xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm. Bản án và quyết định phúc thẩm là chung thẩm.

Điều 11.— Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự các cấp, khi thấy có vi phạm pháp luật.

Chánh án Tòa án quân sự cấp trên, Viện trưởng Viện Kiểm sát quân sự cấp trên có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp dưới, khi thấy có vi phạm pháp luật.

Điều 12.— Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự các cấp khi phát hiện có tình tiết mới.

Điều 13.— Những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự phải được các Thủ trưởng đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân tôn trọng.

Trong phạm vi chức năng của mình, các trại giam, các chấp hành viên và các cơ quan hữu quan khác phải nghiêm chỉnh chấp hành những bản án, quyết định của Tòa án quân sự và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thi hành nhiệm vụ đó.

Bản án tử hình của Tòa án quân sự chỉ được thi hành nếu không có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Nếu người bị án tử hình xin ân giảm thì bản án được thi hành sau khi Hội đồng Nhà nước đã bác đơn xin ân giảm.

0965428
Tel: 84-3845 6661 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 14. — Bộ trưởng Bộ Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong việc quản lý về mặt tổ chức các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, và các Tòa án quân sự khu vực.

Điều 15. — Khi có chiến tranh, tổ chức, thẩm quyền và thủ tục xét xử của Tòa án quân sự do Hội đồng Nhà nước quyết định, theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chương II

NHIỆM VỤ, THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC CỦA TÒA ÁN QUÂN SỰ CÁC CẤP

Mục 1

TÒA ÁN QUÂN SỰ CẤP CAO

Điều 16. — Tòa án quân sự cấp cao là một Tòa án thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án quân sự cấp cao có Chánh án, các Phó chánh án, các thẩm phán và hội thẩm quân nhân.

Điều 17. — 1. Tòa án quân sự cấp cao có thẩm quyền :

a) Sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp; những vụ án mà bị cáo là thiếu tướng hoặc là người có chức vụ từ chỉ huy trưởng sư đoàn, cục trưởng và cấp tương đương trở lên; những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương nhưng Tòa án quân sự cấp cao lấy lên để xét xử;

b) Phúc thẩm những bản án và quyết định sơ thẩm của các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương;

c) Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương.

2. Tòa án quân sự cấp cao giám đốc việc xét xử của các Tòa án quân sự cấp dưới.

Điều 18. — Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp cao.

Điều 19. — Tòa án quân sự cấp cao căn cứ vào những nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng thẩm phán và của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn cụ thể các Tòa án quân sự cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử; tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Tòa án quân sự.

Khi thực hiện những nhiệm vụ nói trên, tập thể Chánh án, các Phó chánh án và các thẩm phán Tòa án quân sự cấp cao thảo luận và quyết định theo đa số, và báo cáo với Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 20. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh án Tòa án quân sự cấp cao là :

1. Tổ chức hoạt động của Tòa án quân sự cấp cao ;
2. Tổ chức các hội đồng xét xử ;
3. Chủ tọa phiên tòa, khi xét thấy cần thiết ;
4. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự cấp dưới ; tạm đình chỉ việc thi hành án, nếu xét thấy cần thiết ;
5. Tổ chức việc kiểm tra công tác xét xử của các Tòa án quân sự cấp dưới ;
6. Kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng những biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong quân đội ;
7. Báo cáo với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về hoạt động của Tòa án quân sự các cấp.

Các Phó chánh án giúp Chánh án thực hiện nhiệm vụ.

Mục 2

CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU VÀ CẤP TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 21. — Các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương có thẩm quyền

1. Sơ thẩm những vụ án không thuộc thẩm quyền của các Tòa án quân sự khu vực và những vụ án thuộc thẩm quyền của các Tòa án đó nhưng Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương lấy lên để xét xử ;
2. Phúc thẩm những bản án và quyết định sơ thẩm của Tòa án quân sự khu vực ;
3. Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự khu vực.

Điều 22. — Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương có Chánh án, các Phó chánh án, các thẩm phán và hội thẩm quân nhân.

Điều 23. — Các tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương có Ủy ban thẩm phán gồm Chánh án, các Phó chánh án và một số thẩm phán. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban thẩm phán là :

1. Bảo đảm việc áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử của các Tòa án quân sự trong quân khu ;
2. Tổng kết kinh nghiệm xét xử ;
3. Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự khu vực ;

4. Thông qua báo cáo của Tòa án quân sự khu vực và cấp tương đương gửi lên cấp trên.

Quyết định của Ủy ban thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên tán thành.

Điều 24. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh án Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương là :

1. Tổ chức hoạt động của Tòa án ;
2. Chủ tọa các cuộc họp của Ủy ban thẩm phán ;
3. Tổ chức các hội đồng xét xử ;
4. Chủ tọa phiên tòa hoặc cử thẩm phán chủ tọa phiên tòa ;
5. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự khu vực ; tạm đình chỉ việc thi hành án, nếu xét thấy cần thiết ;
6. Tổ chức việc kiểm tra công tác xét xử của các Tòa án quân sự cấp dưới ;
7. Kiến nghị với Tư lệnh quân khu và cấp tương đương, với chỉ huy trưởng các đơn vị quân đội hoạt động trong quân khu và cấp tương đương những biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong Quân đội ;
8. Báo cáo hoạt động của Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương với Chánh án Tòa án quân sự cấp cao, Tư lệnh quân khu và cấp tương đương.

Các Phó chánh án giúp Chánh án thực hiện nhiệm vụ.

Mục 3

CÁC TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC

Điều 25. — Các Tòa án quân sự khu vực có thẩm quyền sơ thẩm những vụ án hình sự mà bị cáo là đại úy hoặc người có chức vụ từ Phó chỉ huy trưởng tiểu đoàn hoặc cấp tương đương trở xuống, trừ những loại việc sau đây :

1. Những tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia ;
2. Những tội phạm khác có tính chất nghiêm trọng, phức tạp hoặc gây hậu quả lớn.

Tòa án quân sự khu vực có Chánh án, các Phó chánh án, các thẩm phán và hội thẩm quân nhân.

Điều 26. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Chánh án Tòa án quân sự khu vực là :

1. Tổ chức hoạt động của Tòa án ;
2. Chủ tọa phiên tòa hoặc cử thẩm phán chủ tọa phiên tòa ;
3. Kiến nghị với chỉ huy trưởng các đơn vị quân đội hoạt động trong khu vực về những biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong Quân đội.

4. Báo cáo hoạt động của Tòa án lên Chánh án Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương.

Các Phó chánh án giúp Chánh án thực hiện nhiệm vụ.

Mục 4

VIỆC GIẢI BỊ CÁO, BẢO VỆ PHIÊN TÒA VÀ NƠI LÀM VIỆC CỦA TÒA ÁN QUÂN SỰ

Điều 27. — Việc canh giữ và giải bị cáo đến phiên tòa, bảo vệ phiên tòa và nơi làm việc của Tòa án quân sự do lực lượng cảnh vệ trong quân đội đảm nhiệm.

Chương III

THẨM PHÁN VÀ HỘI THẨM QUÂN NHÂN

Điều 28. — Sĩ quan tại ngũ có kiến thức pháp lý cần thiết thì có thể được cử làm thẩm phán Tòa án quân sự.

Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng được tập thể tín nhiệm, có thể được bầu làm hội thẩm quân nhân.

Điều 29. — Các thẩm phán Tòa án quân sự cấp cao do Hội đồng Nhà nước cử theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Chức vụ Chánh án Tòa án quân sự cấp cao do một Phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao đảm nhiệm.

Các Phó chánh án Tòa án quân sự cấp cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cử trong số các thẩm phán Tòa án quân sự cấp cao, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chánh án, các Phó chánh án Tòa án quân sự cấp cao, và một số thẩm phán Tòa án quân sự cấp cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao cử, là thành viên của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 30. — Thẩm phán các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, và các Tòa án quân sự khu vực do Hội đồng Nhà nước cử, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Chánh án, các Phó chánh án và ủy viên Ủy ban thẩm phán Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, Chánh án và các Phó chánh án Tòa án quân sự khu vực do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cử, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 31. — Nhiệm kỳ của thẩm phán Tòa án quân sự các cấp theo nhiệm kỳ của Hội đồng Nhà nước.

Hội đồng Nhà nước bãi miễn thẩm phán Tòa án quân sự các cấp khi thẩm phán đó không còn xứng đáng với nhiệm vụ được giao.

Điều 32. — Trong trường hợp cần thiết, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể quyết định chuyển thẩm phán Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương hoặc thẩm phán Tòa án quân sự khu vực từ Tòa án quân sự này sang Tòa án quân sự khác cùng cấp.

Điều 33. — Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp cao do Hội đồng Nhà nước cử theo sự giới thiệu của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Nhiệm kỳ của hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự cấp cao là hai năm rưỡi.

Hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, Tòa án quân sự khu vực do các đơn vị cơ sở trong lực lượng vũ trang nhân dân bầu ra. Nhiệm kỳ của hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương và của hội thẩm quân nhân Tòa án quân sự khu vực là hai năm.

Hội thẩm quân nhân có thể bị cơ quan, đơn vị đã bầu ra mình bãi miễn nếu không còn xứng đáng với nhiệm vụ được giao.

Điều 34. — Các hội thẩm quân nhân có nhiệm vụ tham gia công tác xét xử của Tòa án quân sự.

Các đơn vị, các cơ quan có người được bầu làm hội thẩm quân nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hội thẩm quân nhân làm tròn nhiệm vụ.

Hội thẩm quân nhân được bồi dưỡng về công tác xét xử.

Điều 35. — Ở các Tòa án quân sự, có thư ký tòa án, chấp hành viên, và tùy theo yêu cầu công tác, có chuyên viên pháp lý giúp việc.

Điều 36. — Bộ máy làm việc, biên chế của Tòa án quân sự cấp cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định, sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, và trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn.

Bộ máy làm việc, biên chế của các Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, của các Tòa án quân sự khu vực do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định, sau khi đã thống nhất ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Ngân sách, phương tiện hoạt động và trụ sở của Tòa án quân sự các cấp do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 37. — Pháp lệnh này thay thế các văn bản đã ban hành về tổ chức Tòa án quân sự, Tòa án binh và Tòa án binh mặt trận.

Điều 38. — Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

Pháp lệnh

Tổ chức Viện Kiểm sát quân sự.

Căn cứ vào điều 100, điều 127 và các điều từ 138 đến 141 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định về tổ chức các Viện Kiểm sát quân sự.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Các Viện Kiểm sát quân sự là những cơ quan kiểm sát việc tuân theo pháp luật thuộc hệ thống Viện kiểm sát nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được tổ chức trong Quân đội nhân dân.

Trong phạm vi chức năng của mình, các Viện Kiểm sát quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật của quân đội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự, nhân phẩm của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác.

Mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, sức chiến đấu của quân đội và quyền lợi chính đáng của quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng và của các công dân khác đều phải được xử lý theo pháp luật.

Điều 2. — Các Viện kiểm sát quân sự gồm có:

- Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- Các Viện kiểm sát quân sự Quân khu, Quân chủng. Tổng cục và cấp tương đương;